

Số: 03 /BB – ĐHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Công ty Cổ phần Than Miền Nam Vinacomin, trụ sở chính tại 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300383956 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/9/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/5/2016.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Than Miền Nam – Vinacomin bắt đầu lúc 08h30 ngày 14/4/2023 tại Văn phòng Công ty cổ phần than Miền Trung, số 775 Nguyễn Hữu Thọ, Quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

Thành phần được mời tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm: Toàn thể các cổ đông công ty Cổ phần than Miền Nam Vinacomin; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát công ty, Kế toán trưởng Công ty.

NỘI DUNG PHIÊN HỌP

I. Phần nghi thức và thủ tục tiến hành Đại hội:

Đại hội do Ông Hồ Anh Khoa, Thành viên HĐQT công ty làm chủ tọa (theo giấy ủy quyền số: 121/GUQ-TMN ngày 13/04/2023 về việc “ủy quyền chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023”).

Chủ tọa đề cử ông Phan Văn Tân làm thư ký Đại hội để ghi chép diễn biến và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tọa đề cử Ông Phan Văn Tân kiểm soát phiếu biểu quyết thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

Sau khi kiểm tra các điều kiện theo quy định, Ban tổ chức báo cáo trước Đại hội như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty CP Than Miền Nam Vinacomin là 51.806.250.000 đồng, tương ứng với 5.180.625 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số cổ đông của Công ty là 18 cổ đông, sở hữu 5.180.625 cổ phần, trong đó có 01 cổ đông pháp nhân là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam do Ông Phạm Tuấn Ngọc làm đại diện, nắm giữ 1.761.250 cổ phần.

- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội là: 9 cổ đông đại diện cho 5.070.859 cổ phần, chiếm tỷ lệ 97,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó:

+ Cổ đông tham dự trực tiếp là 03 cổ đông, sở hữu 1.778.283 cổ phần chiếm 34,32% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Cổ đông ủy quyền là: 06 cổ đông, sở hữu 3.292.576 cổ phần, chiếm 63,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Có 09 cổ đông không hiện diện và không ủy quyền, sở hữu 109.766 cổ phần, chiếm 2,12 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết..

- Cổ đông tham dự được các cổ đông vắng mặt ủy quyền bằng văn bản, và đã nộp đủ cho ban tổ chức Đại hội theo quy định.

- Việc công bố thông tin trên website của Công ty, thông báo tổ chức Đại hội, tài liệu và thư mời họp Đại hội đồng cổ đông, văn bản ủy quyền được tiến hành đúng trình tự theo quy định.

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin đủ điều kiện để tiến hành.

II. Nội dung đại hội :

1. Thông qua chương trình Đại hội:

- Báo cáo của HĐQT về quản trị công ty năm 2022, kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch và các giải pháp phát triển SXKD năm 2023, Kế hoạch đầu tư năm 2023; Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023.

- Báo cáo thù lao HĐQT và BKS công ty năm 2022, phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS công ty năm 2023;

- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;

- Trình việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Giám đốc công ty.

- Báo cáo tài chính năm 2022; Báo cáo phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ; mức cổ tức 2022; Báo cáo của Công ty kiểm toán;

- Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty.

2. Phần trình bày các báo cáo trước đại hội:

- Ông Hồ Anh Khoa, Thành viên HĐQT Công ty trình bày Báo cáo về quản trị của HĐQT Công ty năm 2022, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch và các giải pháp phát triển SXKD năm 2023.

- Ông Hồ Anh Khoa, Thành viên HĐQT trình kế hoạch đầu tư năm 2023 (Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 14/04/2023).

- Ông Hồ Anh Khoa, Thành viên HĐQT trình báo cáo tiền lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua; Trình phương án chi trả tiền lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 (Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 14/04/2023).

- Ông Hồ Anh Khoa, Thành viên HĐQT trình việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Giám đốc công ty (Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 12/04/2022).

- Ông Hồ Anh Khoa, Thành viên HĐQT trình việc thay đổi giữa nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát công ty (Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 14/04/2023).

- Kế toán trưởng công ty trình báo cáo tài chính năm 2022; trình báo cáo kết luận của Công ty kiểm toán AFC Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán; trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022 của công ty.

- Ông Phạm Xuân Phong – Trưởng Ban Kiểm soát công ty Trình Đại hội lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 14/04/2023).

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình báo cáo của Ban kiểm soát Công ty, đánh giá và nhận xét việc quản lý của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đảm bảo thực hiện việc giám sát và điều hành đúng các quy định; Trình báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

III. Ý kiến của các cổ đông tham dự:

- Tập đoàn TKV có ý kiến bằng văn bản số 1632/TKV-KS ngày 13/4/2023 về việc “Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023”.

IV. Nội dung Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua:

1. Biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.

- Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.

- Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.

2. Biểu quyết thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.

- Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.

- Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.

3. Biểu quyết thông qua kế hoạch đầu tư năm 2023.

- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.

- Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.

- Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức năm 2022: Chi tổ tức 2022 là 20% tương ứng số tiền 10.361 triệu đồng; trích quỹ đầu tư phát triển 2.727 triệu đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3.756 triệu đồng; trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp 300 triệu đồng.

- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.

- Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
 - Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
5. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2022.
- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
 - Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
6. Biểu quyết thông qua báo cáo tài chính năm 2022 của công ty đã được kiểm toán;
- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
 - Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
8. Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 là 10%:
- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
 - Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
9. Biểu quyết thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Giám đốc công ty.
- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
 - Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
10. Biểu quyết thông qua Kết quả thực hiện tiền lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2022; Kế hoạch chi trả tiền lương của HĐQT và Ban Kiểm soát công ty năm 2023.
- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
 - Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
11. Biểu quyết thông qua việc Ủy quyền cho HĐQT công ty chọn lựa đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2022 theo đề nghị của Ban kiểm soát công ty.
- Tán thành: 5.070.859 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.
 - Không tán thành: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.
 - Không ý kiến: 0 phiếu, đạt tỷ lệ 0%.

IV. Kết thúc và bế mạc Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông đã nghe toàn văn Biên bản của Đại hội và biểu quyết tán thành 100% số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự đồng ý nội dung Biên bản.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Than Miền Nam- Vinacomin kết thúc cùng ngày./.

THỦ KÝ ĐẠI HỘI






Phan Văn Tân

CHỦ TỌA



Hồ Anh Khoa

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

STT	Tổ chức/Cá nhân	Số CP biểu quyết	Trong đó		Tỷ lệ %/VĐL	Ký xác nhận
			Sở hữu	Được ủy quyền		
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Người đại diện: Ông Phạm Tuấn Ngọc	1.761.250	1.761.250		34,00	
2	Hồ Anh Khoa	3.303.826	11.250	3.292.576	63,77	
3	Phan Văn Tân	5.783	5.783		0,11	
	TỔNG CỘNG	5.070.859	1.778.283	3.292.576	97,88	

Tp HCM, ngày 14/04/2023

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TY HDQT



Hồ Anh Khoa

Số: 1632 /TKV- KS
V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2023

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Người đại diện phần vốn của TKV
tại Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) nhận được văn bản báo cáo số 02/TMN-TCHC ngày 27/03/2023 xin ý kiến về nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin (Công ty) của Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐTV ngày 12/4/2023 của Hội đồng thành viên, TKV chỉ đạo Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty như sau:

1. Về nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Cơ bản thống nhất như văn bản số 02/TMN-TCHC ngày 27/03/2023 của Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty.

Thời gian dự kiến tổ chức: ngày 14/4/2023

2. Về kết quả thực hiện năm 2022

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Báo cáo tài chính năm 2022

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán theo quy định bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, đã phát hành báo cáo kiểm toán số 123/2023/BCKT-HCM.00396 ngày 20/3/2023.

Đề nghị Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty có ý kiến với Công ty rà soát và chuẩn xác lại các số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu sản xuất kinh doanh năm 2022, đảm bảo các số liệu phù hợp với Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán độc lập phát hành.

2.2. Mức chi trả thù lao, tiền lương,... của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Đề nghị Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty như sau:

- Đối với người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý người đại diện của TKV được ban hành kèm theo Quyết định số 2338/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Hội đồng thành viên TKV.

- Đối với người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhưng không phải là Người đại diện của TKV. Đề nghị Người đại diện phần vốn của TKV có ý kiến để Công ty cân đối thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao,... đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, đảm bảo cân đối, hợp lý với mức thù lao của Người đại diện của TKV tại Công ty.

2.3. Trả cổ tức năm 2022 là: 20,0%

3. Về kế hoạch năm 2023

3.1. Kế hoạch xuất kinh doanh năm 2023

Cơ bản thống nhất như văn bản số 02/TMN-TCHC ngày 27/3/2023 của Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin.

3.2. Kế hoạch trả cổ tức năm 2023: $\geq 10,0\%$

3.3. Kế hoạch đầu tư năm 2023

Đề nghị người đại diện phần vốn của TKV tại công ty có ý kiến để công ty căn cứ nhu cầu, khả năng huy động vốn để xem xét đầu tư đảm bảo hiệu quả theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó, xem xét kỹ khả năng thu xếp vốn cho dự án. Đối với phần vốn vay (nếu có) cần phải có cam kết của tổ chức tín dụng trước khi quyết định dự án.

4. Về việc chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin.

Đề nghị Người đại diện phần vốn của TKV tại công ty biểu quyết tại ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát Công ty đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo quy định.

TKV thông báo để Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin biết và tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế quản lý của TKV; TKV giao cho Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty thực hiện quyền biểu quyết của TKV tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo quy định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐTV (e-copy-báo cáo);
- Phó TGD: Lê Quang Dũng (e-copy);
- Ban Kiểm soát TKV (e-copy);
- Kế toán trưởng TKV (e-copy);
- Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin (e-copy);
- Các Ban: QLV, KH, KTTC, ĐT, TCNS, (e-copy);
- Lưu VT, Ban KSNB.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thanh Hải

Số: 121 /GUQ-TMN

Tp Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN
Về việc Chủ trì Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023

I. Người ủy quyền:

Ông: **Vĩnh Như** Số CMND: 023979998 Cấp ngày: 04/12/2015 Nơi cấp CA
TPHCM

Địa chỉ: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần than Miền Nam Vinacomin

II. Người được ủy quyền:

Ông **Hồ Anh Khoa**, chức vụ: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần than Miền
Nam Vinacomin.

Địa chỉ: 49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

III. Nội dung ủy quyền:

Ông Hồ Anh Khoa được thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty làm người
Chủ trì Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần than Miền Nam
Vinacomin theo các nội dung, chương trình Đại hội mà Hội đồng quản trị công ty đã
thông qua.

IV. Thời gian ủy quyền:

Kể từ ngày 14/04/2023 đến khi thực hiện xong nội dung ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Hồ Anh Khoa



Số: 02/NQ - TMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Miền Nam - Vinacomin;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Than Miền Nam Vinacomin ngày 14/4/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

Điều 2: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Sản phẩm chủ yếu		
a	Than mua	1000 tấn	900.000
b	Than tiêu thụ	"	900.000
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	3.738.500
3	Giá vốn hàng hoá bán ra	Tr.đ	3.364.600
4	Giá trị sản xuất	Tr.đ	373.900
	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đ	88.900
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đ	362.400
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	11.500
7	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương		
	- Lao động định mức	Người	200
	- Tiền lương bình quân theo định mức	1000 đồng	12.631
	- Đơn giá tiền lương/GTSX	đ/1000 đ	341

Điều 3: Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2023 của công ty như sau: Tổng giá trị đầu tư là 6,5 tỷ đồng, Trong đó đầu tư thiết bị văn phòng, thí nghiệm than 01 tỷ đồng; thiết bị bốc xúc than: 5,5 tỷ đồng.

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức năm 2022: Chi trả cổ tức năm 2022 là 20% tương ứng số tiền 10.361 triệu đồng; trích quỹ đầu tư phát triển 2.727 triệu đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3.756 triệu đồng; trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp 300 triệu đồng.

Điều 5: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2022.

Điều 6: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 của công ty đã được kiểm toán;

Điều 7: Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 là 10%.

Điều 8: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Giám đốc công ty.

Điều 9: Thông qua Kết quả thực hiện tiền lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2022; Kế hoạch chi trả tiền lương của HĐQT và Ban Kiểm soát công ty năm 2023.

Điều 10: Thông qua việc Ủy quyền cho HĐQT công ty chọn lựa đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2023 theo đề nghị của Ban kiểm soát công ty.

Điều 11: Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT thực hiện quyền quản trị và điều hành công ty. Căn cứ tình hình thực tế, quyết định các biện pháp để thực hiện các nội dung được Đại hội nhất trí thông qua trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.

Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% cổ phần tham dự đại hội./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Website Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Hồ Anh Khoa

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2022, KẾ HOẠCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SXKD
NĂM 2023; BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2022.**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần than Miền Nam
Vinacomin

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Đánh giá chung:

*** Khó khăn:**

Do ảnh hưởng cuộc xung đột địa chính trị giữa Nga và Ukraine kéo dài, làm cho giá xăng dầu, lương thực, thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ thiết yếu tăng, tác động lớn đến nền kinh tế nói chung và công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin nói riêng; bên cạnh đó, nguồn cung than từ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam cung cấp cho đơn vị tự doanh rất hạn chế làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

*** Thuận lợi:**

Năm 2022, do đã kiểm soát tốt dịch COVID-19 nên việc phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước đạt kết quả tích cực, đẩy nhu cầu sử dụng than trong nước lên mức rất cao so với các năm gần đây. Đối với công ty, năm 2022 cũng là một năm thành công trong các mặt hoạt động SXKD, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân đều vượt mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Có được những kết quả trên là nhận được sự quan tâm của Ban lãnh đạo và các Ban chuyên môn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam trong công tác phối hợp kinh doanh; cùng với các giải pháp điều hành linh hoạt của Ban lãnh đạo điều hành, công ty Cổ phần than Miền Nam Vinacomin đã từng bước vượt qua khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã giao phó.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2022:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	Tỉ lệ Thực hiện/Kế hoạch (%)
1	Sản phẩm chủ yếu				
1.1	Than mua	tấn	900.000	977.061	108,56
1.2	Than tiêu thụ	tấn	900.000	962.463	106,94
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.746.282	3.675.442	133,83
3	Giá vốn hàng hóa bán ra	Tr.đ	2.401.893	3.300.847	137,43
4	Giá trị sản xuất	Tr.đ	344.358	374.595	108,78
*	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đ	73.524	88.127	119,86
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đ	332.889	353.095	106,07
5.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	305.545	320.839	
5.2	Giá trị gia tăng	Tr.đ	27.344	32.256	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	11.500	21.500	186,96
7	Lao động, thu nhập, đơn giá tiền lương				
	- Lao động định mức	ng	200	200	100,00
	- Tiền lương bình quân	1.000 đ	10.458	12.521	119,73
	- Đơn giá tiền lương/ (1.000đ GTSX)		341	341	100,00

(Chi tiết có phụ lục kèm theo báo cáo)

3. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Theo KH đầu tư năm 2022: 4,0 tỷ đồng; Thực hiện: 0 tỷ đồng.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SXKD NĂM 2023

Dự báo năm 2023 là năm sẽ có nhiều khó khăn, thách thức. Trên cơ sở kế hoạch cung cấp than của TKV cho đơn vị, công ty linh hoạt các giải pháp cân đối chế biến, tiêu thụ để cung cấp cho thị trường. Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức sắp xếp theo hướng tinh gọn, có cơ chế quản lý hoạt động SXKD phù hợp, quản trị tốt chi phí, đảm bảo hiệu quả, bền vững. Công ty xây dựng một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch, nhiệm vụ năm 2023 như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2023:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Sản phẩm chủ yếu		
a	Than mua	1000 tấn	900.000

b	Than tiêu thụ	"	900.000
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	3.738.500
3	Giá vốn hàng hoá bán ra	Tr.đ	3.364.600
4	Giá trị sản xuất	Tr.đ	373.900
	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đ	88.900
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đ	362.400
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	11.500
7	KH chi trả cổ tức 2023	%	10
8	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương		
	- Lao động định mức	Người	200
	- Tiền lương bình quân theo định mức	1000 đồng	12.631
	- Đơn giá tiền lương/GTSX	đ/1000 đ	341

(Chi tiết có phụ lục kèm theo báo cáo)

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về hoạt động kinh doanh than, quản lý thu hồi công nợ.

- Xây dựng đa dạng các phương án chế biến, pha trộn phù hợp với tình hình thực tế, tập trung chế biến sâu tạo ra nguồn than chất lượng cao, đảm bảo an toàn tài sản, an toàn lao động, tăng năng suất lao động.

- Phối hợp chặt chẽ với các Ban trong Tập đoàn, theo dõi kế hoạch tiêu thụ Alumina để bố trí cầu bến phục vụ giao hàng đúng tiến độ; phối hợp với các nhà máy alumina trong việc lưu chuyển hàng hóa, đảm bảo chính xác, kịp thời nhằm nâng cao hiệu suất; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong việc điều hành xuất khẩu alumina xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến chất lượng hàng hóa theo hợp đồng.

- Tiếp tục làm việc với cơ quan hải quan trong việc đưa việc thông quan xuất khẩu alumina thuộc diện ưu tiên nhằm thuận lợi trong việc nộp thuế và điều hành xuất khẩu.

PHẦN THỨ BA

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Về công tác chỉ đạo, giám sát Ban lãnh đạo điều hành

Năm 2022, HĐQT Công ty đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo được sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn.

HĐQT hoạt động theo chế độ tập thể, thực hiện đúng Điều lệ, các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT đều được các thành viên nghiên cứu, thảo luận kỹ trước khi biểu quyết. HĐQT quyết nghị các vấn đề đúng chức năng quyền hạn, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ máy quản lý công ty hoạt động. Các thành viên HĐQT làm việc công tâm, đoàn kết, trung thực và đã hoàn thành tốt trọng trách mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Năm 2022 HĐQT thực hiện chức năng chỉ đạo, giám sát đối với Ban giám đốc công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, các cán bộ quản lý trong bộ máy giúp việc của công ty. Ban Giám đốc công ty và các bộ phận quản lý khác chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và các quy chế, Quy định của công ty. Thực hiện tốt các biện pháp bảo toàn vốn, quay đồng vốn. Các đơn vị trực thuộc đã chấp hành đúng Quy chế, quy định của công ty đề ra. Các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động do Giám đốc công ty và những người được ủy quyền ký đúng với quy định của Pháp luật và Điều lệ. Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của công ty là trung thực, đúng theo các quy định của Pháp luật.

2. Về tình hình tài chính của công ty:

- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu: 23,33 %
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.309 đồng/1 cổ phiếu.

3. Về hoạt động của HĐQT năm 2022

Thực hiện quyền điều hành công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT công ty, Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

- + Thông qua hạn mức vay tín dụng năm 2022;
- + Thông qua nội dung, chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022;
- + Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2022;
- + Vay tín dụng ngân hàng BIDV;
- + Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty;
- + Vay tín dụng ngân hàng MB.

Các Biên bản/ng nghị quyết của HĐQT tuân thủ theo quy định và tình hình hiện nay của Công ty.

PHẦN THỨ TƯ

NHỮNG NỘI DUNG TRÌNH ĐỀ CỬ THÔNG QUA

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 cho ý kiến, thông qua những vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;
- Các báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo kết quả SXKD 2022, kế hoạch và các giải pháp phát triển kinh doanh năm 2023.
- Các báo cáo của Ban kiểm soát Công ty;
- Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, mức chia cổ tức năm 2022;
- Kết quả thực hiện thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát công ty năm 2022; Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát công ty năm 2023.
- Chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty năm 2023.
- Kế hoạch đầu tư năm 2023.
- Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành công ty.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 2022; Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2023; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2022; và một số nội dung trình Đại hội

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông năm 2023;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Đăng website công ty.
- Lưu Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH



Vinh Như

Tp Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Stt	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	TH năm 2022	TH /KH năm
1	Sản phẩm chủ yếu				
1.1	Than mua	1000 tấn	900.000	977.061	108,56
1.2	Than tiêu thụ	1000 tấn	900.000	962.463	106,94
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.746.282	3.675.442	133,83
	- Kinh doanh than trực tiếp	Tr.đ	2.567.282	3.492.493	
	- Dịch vụ giao than hộ lớn	Tr.đ	12.000	17.148	
	- Dịch vụ vận chuyển alumina	Tr.đ	154.000	153.704	
	- Kinh doanh khác	Tr.đ	13.000	12.097	
3	Giá vốn hàng hóa bán ra	Tr.đ	2.401.893	3.300.847	137,43
4	Giá trị sản xuất	Tr.đ	344.358	374.595	108,78
*	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đ	73.524	88.127	119,86
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đ	332.889	353.095	106,07
5.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	305.545	320.839	
5.2	Giá trị gia tăng	Tr.đ	27.344	32.256	
	-KHTS	Tr.đ	366	366	
	-Tiền lương	Tr.đ	25.100	30.051	
	-Bảo hiểm	Tr.đ	1.869	1.830	
	-Thuế trong giá thành	Tr.đ	9	9	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	11.500	21.500	186,96
7	Lao động, thu nhập, đơn giá tiền lương				
	- Lao động định mức	ng	200	200	100,00
	- Tiền lương bình quân	1.000 đ	10.458	12.521	119,73
	- Đơn giá tiền lương/ (1.000đ GTSX)		341	341	100,00

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023
(Trình ĐHCĐ thường niên năm 2023)

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Sản phẩm chủ yếu			
a	Than mua	1000 tấn	977.061	900.000
b	Than tiêu thụ	"	962.463	900.000
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	2.734.068	3.738.500
	- Kinh doanh than trực tiếp	"	3.492.493	3.568.000
	- Dịch vụ giao than hộ lớn	"	17.148	16.000
	- Dịch vụ vận chuyển Alumina	"	153.704	153.000
	- Kinh doanh khác	"	12.097	1.500
3	Giá vốn hàng hoá bán ra	Tr.đ	3.300.847	3.364.600
4	Giá trị sản xuất	Tr.đ	374.595	373.900
	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đ	88.127	88.900
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đ	353.095	362.400
a	Chi phí trung gian	"	320.839	329.928
b	Giá trị gia tăng	"	32.256	32.472
	- KHTS	"	366	318
	- Tiền Lương	"	30.051	30.315
	- Bảo hiểm	"	1.830	1.830
	- Thuế trong giá thành	"	9	9
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	21.500	11.500
7	KH chi trả cổ tức 2023	%	20	10
8	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
	- Lao động định mức	Người	200	200
	- Tiền lương bình quân theo định mức	1000 đồng	12.521	12.631
	- Đơn giá tiền lương/GTSX	đ/1000 đ	341	341
9	Nộp ngân sách			Theo quy định

Tp. HCM ngày 27 tháng 03 năm 2023

CHỦ TỊCH HĐQT



Vĩnh Như

Số: 02 /TTr-HĐQT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
“Về việc thông qua kế hoạch đầu tư năm 2023”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ nhu cầu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, HĐQT Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua kế hoạch đầu tư năm 2023 như sau:

Tổng chi phí đầu tư dự kiến: 6,5 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: thiết bị văn phòng, thiết bị chế biến than, thiết bị thí nghiệm than.

Nguồn vốn: từ quỹ đầu tư phát triển của công ty.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

Tp HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2023
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

DVT: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Tổng số	Kế hoạch năm 2023							
			Trong đó			Tổng nguồn vốn chia ra				
			Xây lắp	Thiết bị	khác	Quỹ ĐTPT	Vay	KHCB & Vốn CSH	Khấu hao	Huy động
I	Công trình trong kế hoạch									
1	Thiết bị văn phòng + Thí nghiệm than	1.000	500	500		1000				
2	Thiết bị bóc xúc kho than Gò Dầu	5.500		5.500		5.500				
TỔNG CỘNG		6.500	500	6.000	-	6.500				

TM HĐQT
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

Số: 03 /TTr-HĐQT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
**“Về việc thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2022;
Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2023”**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

1. Mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2022

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng thành viên	Kế hoạch mức chi trả thù lao đối với HĐQT, BKS năm 2021
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	58.320.000 đồng
2	Thành viên HĐQT	02 người	49.680.000 đồng x 2 = 99.360.000 đồng
3	Trưởng BKS	01 người	49.680.000 đồng
4	Thành viên BKS	02 người	45.360.000 đồng x 2 = 90.720.000 đồng

* Tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 theo Kế hoạch: 298.080.000 đồng; Tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 thực hiện: 298.080.000 đồng. Đạt tỷ lệ 100%.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2023

Stt	Chức danh	Số lượng thành viên	Kế hoạch mức chi trả thù lao đối với HĐQT, BKS năm 2023
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	58.320.000 đồng
2	Thành viên HĐQT	02 người	49.680.000 đồng x 2 = 99.360.000 đồng
3	Trưởng BKS	01 người	49.680.000 đồng
4	Thành viên BKS	02 người	45.360.000 đồng x 2 = 90.720.000 đồng

Tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023 dự kiến là 298.080.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'S.Đ.K.K.Đ: 000 333 555' at the top and 'QUẢN TRỊ TP. HỒ CHÍ MINH' at the bottom. The inner ring contains 'CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN BẮC' and 'VINACOMIN'. A blue ink signature is written across the center of the stamp. A blue arrow points from the text 'CHỦ TỊCH' to the signature.

Vinh Như

KẾ HOẠCH PHỤ CẤP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2023
 (Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Tp HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Stt	Chức danh	Tiền lương 1 tháng theo vị trí công việc	Mức phụ cấp (%)	Thu nhập/tháng	Thu nhập cả năm	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch	24.300.000	20	4.860.000	58.320.000	
2	UV HĐQT 1	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000	
3	UV HĐQT 2	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000	
II	Ban Kiểm soát					
1	Trưởng ban	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000	
2	Ủy viên Ban KS 1	18.900.000	20	3.780.000	45.360.000	
3	Ủy viên Ban KS 2	18.900.000	20	3.780.000	45.360.000	
	Tổng cộng	124.200.000	120	24.840.000	298.080.000	

TM. HĐQT
 CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2022
(Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023)

Tp HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số	Họ và tên	Số lượng	Hình thức làm việc	Quỹ lương năm 2022 (đ)		
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
I	Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch	1	Kiên nhiệm	58.320.000	58.320.000	100
2	Ủy viên HĐQT	2	Kiên nhiệm	99.360.000	99.360.000	100
II	Ban kiểm soát			-	-	
1	Trưởng Ban	1	Kiên nhiệm	49.680.000	49.680.000	100
2	Ủy viên BKS	2	Kiên nhiệm	90.720.000	90.720.000	100
	Tổng cộng			298.080.000	298.080.000	100

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

Số: 04 /TTr-HĐQT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
“Về việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc Công ty”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Miền Nam Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		312.302.367.665	264.505.027.357
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.329.243.964	54.026.508.266
Tiền	111		17.329.243.964	54.026.508.266
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.911.102.569	113.724.397.094
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	47.740.013.724	45.438.555.179
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	92.206.739.566	86.329.995.531
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	53.502.895	45.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(18.089.153.616)	(18.089.153.616)
Hàng tồn kho	140	5.6	172.627.677.673	96.657.925.596
Hàng tồn kho	141		172.627.677.673	96.657.925.596
Tài sản ngắn hạn khác	150		434.343.459	96.196.401
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	147.646.184	96.196.401
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.12	37.463.737	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	249.233.538	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.693.239.530	7.200.340.001
Các khoản phải thu dài hạn	210		256.499.635	2.348.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	256.499.635	2.348.000.000
Tài sản cố định	220		4.352.836.847	4.718.837.476
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.110.032.487	1.388.367.980
Nguyên giá	222		7.743.517.816	8.342.441.394
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.633.485.329)	(6.954.073.414)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.242.804.360	3.330.469.496
Nguyên giá	228		4.383.256.517	4.383.256.517
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.140.452.157)	(1.052.787.021)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		83.903.048	133.502.525
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	83.903.048	133.502.525
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		316.995.607.195	271.705.367.358

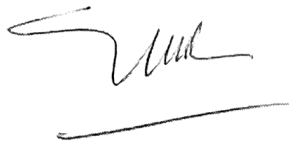
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

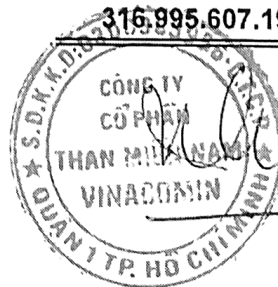
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		243.523.780.559	205.218.016.676
Nợ ngắn hạn	310		243.153.780.559	199.129.716.676
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	50.436.185.821	57.771.882.353
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	16.812.333.170	13.527.802.442
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.500.403.627	5.631.784.748
Phải trả người lao động	314	5.13	9.288.049.325	9.113.795.471
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		451.484.000	112.241.056
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	16.798.277.980	17.162.700.641
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	142.343.034.859	92.158.012.759
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.16	2.524.011.777	3.651.497.206
Nợ dài hạn	330		370.000.000	6.088.300.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	370.000.000	6.088.300.000
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.471.826.636	66.487.350.682
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	73.471.826.636	66.487.350.682
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		51.806.250.000	51.806.250.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.806.250.000	51.806.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		742.520.154	742.520.154
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.778.572.963	3.534.822.895
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.144.483.519	10.403.757.633
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.144.483.519	10.403.757.633
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		316.995.607.195	271.705.367.358



HUỲNH THỊ THANH LIỄU
Người lập biểu



ĐẶNG THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng



VĨNH NHƯ
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM – VINACOMIN

49 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

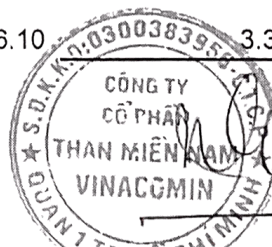
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.675.442.490.689	2.734.068.104.601
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	3.675.442.490.689	2.734.068.104.601
Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.300.847.160.689	2.417.705.055.612
Lợi nhuận gộp	20		374.595.330.000	316.363.048.989
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	77.855.007	57.574.367
Chi phí tài chính	22	6.4	6.030.423.337	7.227.559.841
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		6.030.423.337	7.227.559.841
Chi phí bán hàng	25	6.5	297.993.154.470	258.190.169.012
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	48.756.455.074	37.809.422.389
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		21.893.152.126	13.193.472.114
Thu nhập khác	31	6.7	54.545.455	-
Chi phí khác	32	6.8	447.396.400	9.413.540
Lợi nhuận khác	40		(392.850.945)	(9.413.540)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.500.301.181	13.184.058.574
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	4.355.817.662	2.780.300.941
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.144.483.519	10.403.757.633
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3.309	1.961

HUỲNH THỊ THANH LIỄU
Người lập biểu

ĐẶNG THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng




VINH NHƯ
Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

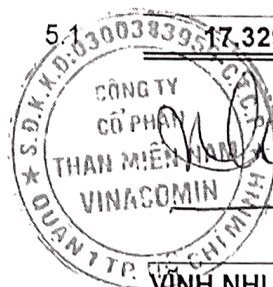
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.500.301.181	13.184.058.574
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.8;5.9;5.16	142.391.549	285.383.319
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	5.5	-	(1.157.675.640)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3;6.7	(132.400.462)	(48.295.387)
Chi phí lãi vay	06	6.4	6.030.423.337	7.227.559.841
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		27.540.715.605	19.491.030.707
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(6.381.902.385)	10.665.391.645
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(75.969.752.077)	27.773.170.839
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(9.939.220.190)	16.263.499.008
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(1.850.306)	91.348.497
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.030.423.337)	(7.227.559.841)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.12	(4.758.286.912)	(2.350.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.16	25.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	5.16	(3.317.946.414)	(1.285.912.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.833.666.016)	63.420.968.128
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		54.545.455	9.090.909
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.855.007	57.574.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		132.400.462	66.665.276
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	5.15	101.065.040.368	101.317.873.881
Tiền trả nợ gốc vay	34	5.15	(50.880.018.268)	(140.623.161.801)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.181.020.848)	(42.114.778.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.004.001.252	(81.420.066.822)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(36.697.264.302)	(17.932.433.418)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	5.1	54.026.508.266	71.958.941.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		17.329.243.964	54.026.508.266


HUỖNH THỊ THANH LIỄU
 Người lập biểu


ĐẶNG THỊ BÍCH VÂN
 Kế toán trưởng



VINH NHƯ
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Số: 01 /TTr-BKS

Tp.HCM, ngày 14 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

“Về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 64/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 06 năm 2004 của Bộ Tài Chính v/v “Kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính hàng năm của các Doanh nghiệp bao gồm: Công ty Cổ phần, Cty TNHH...”

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/11/2020;

Để đảm bảo hoạt động của công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành. Ban Kiểm soát Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có chức năng theo quy định của Pháp luật và được Bộ Tài chính chấp thuận thuộc danh sách những đơn vị có đủ điều kiện để thực hiện kiểm toán cho các Doanh nghiệp;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên thường trực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

- Không có quan hệ mua bán cổ phần, tài sản hoặc góp vốn với Công ty cổ phần Than Miền Nam Vinacomin;

- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ của kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét giá chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán;

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn danh sách công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực dưới đây cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 bao gồm cả soát xét bán niên độ (từ 01/01/2023 đến 30/6/2023) của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (đơn vị đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021).

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38594168

3. Công ty TNHH Kiểm toán FAC

Địa chỉ: 156/12 đường Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 10, thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 39483100

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Ban KS
- HĐQT, TK Cty.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Xuân Phong

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MIỀN NAM VINACOMIN**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ điều lệ (Sửa đổi) tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2022 do Công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin lập, các chứng từ kế toán lưu tại Phòng Kế toán tài chính của Công ty và báo cáo kiểm toán số: 123/2023/BCKT-HCM-00396 ngày 20/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;

Căn cứ Chế độ chính sách hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Miền Nam Vinacomin (Công ty) thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông quy định được báo cáo trước Đại hội những nội dung sau :

Phần I

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1- Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông năm 2022; Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ với các nội dung sau:

- Kết hợp cùng với Công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin và Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam để thực hiện báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

- Xem xét các báo cáo tài chính hàng kỳ (quý, 6 tháng, năm) của Công ty, tư vấn và hướng dẫn công tác quản lý và hạch toán kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Thực hiện kiểm soát công tác quản lý chi phí, tính giá thành và kế toán quản trị trong Công ty.

- Xem xét kết quả kiểm kê tại ngày 31/12/2022.

2- Tổng kết các cuộc họp và công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Kiểm soát (BKS) để đề xuất các biện pháp trong công tác quản lý của Công ty:

- Trong năm BKS đã tiến hành họp định kỳ, hàng quý theo phương thức trao đổi công việc qua Phone và Mail.

- Từ tình hình thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS đã có đề xuất đối với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty có biện pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra.

3- Quá trình kiểm soát, BKS đã giúp cho bộ máy điều hành của Công ty hoàn thiện các quy chế về quản lý, nhằm để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển có hiệu quả, đảm bảo công tác bảo toàn và phát triển vốn, tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành. Trong năm 2022, BKS đã thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh và bảo toàn vốn của Công ty.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC KIỂM SOÁT NĂM 2022

I - CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch HĐQT 2022	TH năm 2022	Tỷ lệ % so với KH
1	Than mua	Tấn	900.000	977.061	108.5%
2	Than tiêu thụ	Tấn	900.000	962.463	107%
3	Doanh thu	Tr.đồng	2.746.282	3.675.442	133.8%
4	Giá vốn hàng hóa bán ra	Tr.đồng	2.401.893	3.300.847	137%
5	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	344.389	374.595	108.7%
6	Tổng chi phí sản xuất	Tr.đồng	332.889	353.095	106%
	Tr.đó :Tiền lương theo đơn giá	Tr.đồng	341	341	100%
7	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đồng	11.500	21.500	187%
8	Cổ tức	%	10	20	200%
9	Lao động, thu nhập và tiền lương				
-	Lao động bình quân	Người	200	200	100%
-	Đơn giá tiền lương/GTSX	Đ/1.000 đ GTSX	341	341	100%
-	Tiền lương bình quân	1000 đ	10.458	12.521	119,7%

II - SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2022

1 - Các chỉ tiêu tài sản, vốn.

TÀI SẢN	MS	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	<u>312.302.367.665</u>	<u>264.505.027.357</u>
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	17.329.243.964	54.026.508.266
1. Tiền	111	17.329.243.964	54.026.508.266
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu	130	121.911.102.569	113.724.397.094
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	47.740.013.724	45.438.555.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	92.206.739.566	86.329.995.531
6. Các khoản phải thu khác	136	53.502.895	45.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(18.089.153.616)	(18.089.153.616)
IV. Hàng tồn kho	140	172.627.677.673	96.657.925.596
1. Hàng tồn kho	141	172.627.677.673	96.657.925.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	434.343.459	96.196.401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	147.646.184	96.196.401
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	37.463.737	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	249.233.538	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	<u>4.693.239.530</u>	<u>7.200.340.001</u>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	256.499.635	2.348.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	256.499.635	2.348.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	4.352.836.847	4.718.837.476
1. TSCĐ hữu hình	221	1.110.032.487	1.388.367.980

- Nguyên giá	222	7.743.517.816	8.342.441.394
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(6.633.485.329)	(6.954.073.414)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	3.242.804.360	3.330.469.496
- Nguyên giá	228	4.383.256.517	4.383.256.517
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(1.140.452.157)	(1.052.787.021)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	83.903.048	133.502.525
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	83.903.048	133.502.525
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	316.995.607.195	271.705.367.358
NGUỒN VỐN	MS	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	243.523.780.559	205.218.016.676
I. Nợ ngắn hạn	310	243.153.780.559	199.129.716.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	50.436.185.821	57.771.882.353
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16.812.333.170	13.527.802.442
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4.500.403.627	5.631.784.748
NGUỒN VỐN	MS	Số cuối kỳ 31/12/2022	Số đầu kỳ 01/01/2022
4. Phải trả người lao động	314	9.288.049.325	9.113.795.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	451.484.000	112.241.056
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.798.277.980	17.162.700.641
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	142.343.034.859	92.158.012.759
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.524.011.777	3.651.497.206
II. Nợ dài hạn	330	370.000.000	6.088.300.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	370.000.000	6.088.300.000

D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	73.471.826.636	66.487.350.682
I. Vốn chủ sở hữu	410	73.471.826.636	66.487.350.682
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	51.806.250.000	51.806.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411 a	51.806.250.000	51.806.250.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	742.520.154	742.520.154
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.778.572.963	3.534.822.895
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17.144.483.519	10.403.757.633
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421 a	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421 b	17.144.483.519	10.403.757.633
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	316.995.607.195	271.705.367.358

*** Đánh giá, nhận xét qua một số chỉ tiêu:**

1. Hệ số nợ phải trả: Nợ phải trả/Vốn CSH

Theo báo cáo quyết toán năm 2022 hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là: 3,31 lần (243.523 tr.đồng/73.472 tr.đồng). Năm 2021 là: 3,09 lần; Nhà nước quy định là 3 lần.

2. Khả năng thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn

Năm 2022: 312.302tr đồng/243.153tr.đồng =1,28lần. Năm 2021 là: 1,33; Nhà nước quy định chỉ tiêu này lớn 1 là doanh nghiệp xếp loại A; Từ 0,5 đến nhỏ hơn 1 doanh nghiệp xếp loại B; nhỏ hơn 0,5 doanh nghiệp thuộc diện đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt. Chỉ tiêu này Công ty thực hiện tốt.

3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA):

Năm 2022: 17.144 tr.đồng/316.995tr.đồng= 5,4 %.

4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE):

Năm 2022: 17.144tr đồng/73.472tr đồng = 23,33 %.

2 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

CHỈ TIÊU	MS	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.675.442.490.689	2.734.068.104.601
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	10		3.675.442.490.689	2.734.068.104.601
Giá vốn hàng bán	11	VI.27	3.300.847.160.689	2.417.705.055.612
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dv	20		374.595.330.000	316.363.048.989
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	77.855.007	57.574.367
Chi phí tài chính	22	VI.28	6.030.423.337	7.227.559.841
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.030.423.337	7.227.559.841
Chi phí bán hàng	24		297.993.154.470	258.190.169.012
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		48.756.455.074	37.809.422.389
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.893.152.126	13.193.472.114
Thu nhập khác	31		54.545.455	-
Chi phí khác	32		447.396.400	9.413.540
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(392.850.945)	(9.413.540)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.500.301.181	13.184.058.574
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4.355.817.662	2.780.300.941
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.144.483.519	10.403.757.633

3- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước năm 2022:

Các loại thuế	Số đầu năm 01/01/2022	số phải nộp	số đã nộp	Số phải nộp 31/12/2022
1 – Thuế GTGT	3.804.853.775	64.319.152.995	65.289.682.554	2.834.324.215
2 – Thuế thu nhập DN	153.235.712	4.355.817.662	4.758.286.912	
3 – Thuế TN Cá nhân	1.673.695.261	1.454.585.659	1.462.201.509	1.666.079.411
4 – Tiền thuê đất		109.692.800	109.692.800	
5 – Thuế môn bài, khác		353.491.127	353.491.127	
TỔNG CỘNG	5.631.784.748	70.592.740.243	71.973.354.902	4.500.403.627

4 - Về quỹ tiền lương.

Quỹ tiền lương năm 2022 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Số dư đầu năm	9.113.795.471
2	Số thực trích năm 2022 (Đã h/toán vào chi phí)	30.051.373.405
3	Số thực chi năm 2022	29.877.119.551
4	Số dư cuối kỳ	9.288.049.325

Quỹ lương tính vào chi phí dùng để chi các khoản:

+ Phụ cấp hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký HĐQT; 198.720.000 đồng

+ Chi lương cán bộ CNV 12.448.800 đồng/200 người.

Nhận xét :

- Đơn giá tiền lương Hội đồng quản trị giao cho Công ty cổ phần than Miền Nam Vinacomin là : 341 đ/1000đ/GTSX

- Công ty đã trích quỹ tiền lương năm 2022 với số tiền là : 30.051 tr đ (tương đương với 341 đ/1.000đ/GTSX)

III - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tổng số vốn theo điều lệ: 51.806.250.000 đ

Trong đó:

- Ông Vĩnh Như: 31.710.763.000 đ (61,21%)

- Tập đoàn VINACOMIN: 17.612.500.000 đ (34%)

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng: 911.250.000 đ (1,76%)

- Vốn góp của các cổ đông khác: 1.571.737.000 đ (3,03%)

TT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế	21.500.301.181
2	Thuế TNDN phải nộp	4.355.817.662
3	Lợi nhuận sau thuế:	17.144.483.519
4	Lợi nhuận còn lại để trích lập các quỹ, trả cổ tức:	
4.1	- Trả cổ tức: (20%)	10.361.250.000
	<i>Trong đó:</i> + Cổ tức cổ phần vốn Nhà nước	3.522.500.000
	+ Cổ tức cổ phần phổ thông	6.838.750.000
4.2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.756.421.676
4.3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.726.811.843
4.4	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	300.000.000

IV. GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2022 các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt các chỉ tiêu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty như :

+ Thông qua hạn mức vay tín dụng năm 2022;

+ Thông qua nội dung, chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022;

+ Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2022;

+ Vay tín dụng ngân hàng BIDV;

- + Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty;
- + Vay tín dụng ngân hàng MB.

Các Biên bản/ng nghị quyết của HĐQT cơ bản tuân thủ theo quy định và tình hình hiện nay của Công ty.

HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và phối hợp với ban kiểm soát để chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ SXKD của Công ty; thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông đã đề ra. Có mối quan hệ chặt chẽ với Ban kiểm soát; cung cấp tài liệu các cuộc họp của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát. Chỉ đạo Ban Giám đốc, các phòng ban quản lý góp phần hoàn thiện công tác quản lý SXKD ngày càng tốt hơn.

V- NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

1- Nhận xét:

1.1. Về tình hình sản xuất kinh doanh :

- Về chỉ tiêu doanh thu thực hiện năm 2022 là 3.675 tỷ/2.746 tỷ, đạt 133,83 % so với kế hoạch;
- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2022: 21,500 tỷ/ 11,500 tỷ đạt 186,95 % so với kế hoạch năm 11,500 tỷ.

Riêng chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ, tổng số lượng bán được là 962.463 ngàn tấn/900.000 ngàn tấn kế hoạch.

Nhìn chung, các chỉ tiêu cơ bản năm 2022 Công ty đạt vượt kế hoạch đầu năm, riêng kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 186,95% kế hoạch. Trong năm Công ty phát sinh tăng khoản thuế TNDN 455.051.200 của các năm trước 2019-2021 làm giảm lợi nhuận sau thuế, phát sinh giảm khoản thuế TNDN (488.773.054) làm tăng lợi nhuận sau thuế (hồi tố chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty có giao dịch liên kết theo Điều 1b Nghị định số 68/2020 ngày 24/6/2020 của Chính Phủ).

1.2. Về sổ sách chứng từ kế toán:

Sổ kế toán và chứng từ kế toán của Công ty đã được lập, luân chuyển, lưu trữ rõ ràng, đầy đủ, theo quy định của Chế độ hiện hành.

1.3. Về công nợ phải thu:

Tại ngày 31/12/2022, nợ phải thu khách hàng của Công ty là 47,74 tỷ đồng, tăng 2,3 tỷ đồng so với số đầu năm, trong đó nợ quá hạn 18,089 tỷ đồng chiếm 37,89 % tổng nợ phải thu cuối kỳ, đây là nợ quá hạn trên 3 năm.

Số lũy kế trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 là 18,089 tỷ đồng .

2- Kiến nghị:

Tích cực tập trung thu hồi công nợ khó đòi bằng mọi biện pháp để giảm công nợ khó đòi hạn chế mất nợ do quá hạn lâu năm, đồng thời thực đúng quy chế bán hàng đã ra, hạn chế bán nợ cho khách hàng nếu bán thu tiền sau phải có bảo lãnh ngân hàng đảm bảo nợ mới phát sinh.

V. Phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Ban kiểm soát.

1. Phương hướng chung:

Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: Thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BGD; hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế tổ chức hoạt động của BKS và các quy định khác có liên quan;

2. Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các quy chế, quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty ban hành;

- Kiểm soát việc thực hiện quỹ tiền lương, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động và các hoạt động khác theo Biên bản nghị quyết Hội nghị người lao động hàng năm và Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Công ty và cùng với các phòng ban kiểm tra kho bãi, tồn kho than.

- Bố trí thời gian cao nhất tham gia cùng bộ phận kiểm toán độc lập xem xét các vấn đề còn tồn tại trong công tác kế toán cũng như quản trị chi phí của đơn vị.

Trên đây là những nội dung chủ yếu của Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên BKS;
- Lưu VP, BKS.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Xuân Phong

TPHCM, ngày 14 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
V/v Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022
của Công ty Cổ phần than Miền Nam Vinacomin
Tại Đại hội thường niên năm 2023

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần than Miền Nam Vinacomin

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát công ty đã được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/11/2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả thẩm định báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 đã được kiểm toán, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần than Miền Nam Vinacomin như sau:

1. Một số điểm chung, nổi bật:

Công ty Cổ phần than Miền Nam Vinacomin là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300383956 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 09 tháng 5 năm 2016 do sở Kế hoạch và đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp.

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán của Công ty cho năm tài chính 2022;

2. Xác nhận tính tuân thủ:

BKS báo cáo trước ĐHĐCĐ kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

- Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và BĐH công ty;
- Xác nhận tính tuân thủ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra;

